

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KI
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28/5/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K-
tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1997, ĐKKHKT: làng C, xã X (nay là X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 14, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991, ĐKKHKT và trú tại: làng C , xã X (nay là X), huyện K, tỉnh Ninh Bình
(vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là X) vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Q ở làng C, xã X, huyện K. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không quan tâm đến cuộc sống gia đình, tụ tập bạn bè, rượu chè say xỉn, sau đó về vô cớ chửi bới, xúc phạm chị. Bản thân chị đã chịu đựng và động viên anh Q thay đổi tính nết nhưng

anh Q không thay đổi. Gia đình cũng đã góp ý, khuyên giải, động viên để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Đến tháng 5/2017 chị về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, ly thân với anh Q, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã ngày càng căng thẳng, không thể quay về chung sống. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 25/01/2017, hiện đang ở với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trong văn bản ngày 18/4/2020 trình bày: Anh xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H đã trình bày. Theo anh Q, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống. Đến năm 2018, vợ chồng anh đã sống ly thân. Chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xóm xóm 14 xã H để sinh sống còn anh vẫn sinh sống lại Làng C, xã X, không ai quan tâm đến ai. Anh và gia đình anh đã đến nhà chị H để khuyên giải chị H quay về chung sống với anh nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 25/01/2017, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị H và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu về mức đóng góp tiền nuôi con, chị yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên

Do bận công việc nên anh Q có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q; giao chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 25/01/2017 đến khi thành niên; anh Nguyễn Văn Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Q, cư trú tại Làng C, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q do bận công việc nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã X (nay là X), là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè, rượu chè, say xỉn. Do đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không thay đổi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh Q từ năm 2017

Về phía anh Q, anh cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018. Quá trình sống ly thân, anh Q và gia đình anh có gặp gỡ chị H để khuyên giải nên không có kết quả nên nay chị H có yêu cầu ly hôn, anh cũng nhất trí

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q tại UBND xã X là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương xác nhận chị H và anh Q có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã không còn chung sống với anh Q từ lâu. Từ trước đến nay địa phương chưa lần nào nhận được đơn yêu cầu hòa giải tại cơ sở từ phía chị H, anh Q nên không nắm được nguyên nhân cụ thể dẫn đến việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn là gì

Như vậy mặc dù việc trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả hai bên đều cho rằng giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã có sự động viên, hòa giải từ gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được khắc phục. Anh Q không chủ động hòa giải với chị H cũng như không tham gia hòa giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn với anh Q là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Qua trình bày của hai bên và xác minh tại địa phương thì xác định vợ chồng chị H, anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 25/01/2017, hiện đang ở cùng chị H

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Về phía anh Q, anh nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh Q không nêu rõ lý do anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh Q; nhưng để bảo vệ quyền lợi cho con chung thì yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên theo đề xuất của chị H là phù hợp

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 25/01/2017 đến khi thành niên. Anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2269 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Q phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Q không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh